

Số: /QĐ-ĐHQGHN Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội “Khoa học và công nghệ phục vụ thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh ven biển”, mã số QGCT.22.01

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 7 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Khoa học - Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp ĐHQGHN “Khoa học và công nghệ phục vụ thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh ven biển”; Mã số: QGCT.22.01. Mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành đối với các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQGHN.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Khoa học - Công nghệ, các Ban chức năng, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN, T15.

GIÁM ĐỐC

Lê Quân

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp ĐHQGHN
“Khoa học và công nghệ phục vụ thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội
các tỉnh ven biển”; Mã số: QGCT.22.01

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2022 của
Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường năng lực nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ (KH&CN) cho các nhà khoa học ĐHQGHN gắn với bài toán phát triển kinh tế xã hội các địa phương vùng ven biển. Hình thành được các nhóm nghiên cứu đủ năng lực đề xuất và triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của địa phương, của doanh nghiệp và nhà đầu tư; đủ năng lực để đề xuất chủ trì các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia có liên quan, trong đó ưu tiên tiếp cận Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển”, mã số KC.09/21-30.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác lập được cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất các giải pháp, quy trình, công nghệ để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực lợi thế của các tỉnh ven biển, gắn với các nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Thúc đẩy ứng dụng và chuyển giao các công nghệ trong các đề án, dự án của các địa phương và doanh nghiệp phục vụ phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và khả năng thương mại hoá lớn trong các lĩnh vực: du lịch, dịch vụ biển, khai thác các tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo, phát triển quỹ đất, không gian biển phục vụ sản xuất của các ngành kinh tế biển mới.

- Cung cấp được bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư các dự án có quy mô lớn của các địa phương ven biển.

II. NỘI DUNG

1. Nội dung 1: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất các giải pháp, quy trình, công nghệ để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực lợi thế của các tỉnh ven biển, gắn với các nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và công nghệ cho việc phát triển và mở rộng quỹ đất phục vụ tổ chức đầu tư phát triển các đô thị ven biển, khu du lịch biển, bến cảng hay kho bãi ven biển và các công trình biển.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và công nghệ cho việc phát triển không gian biển phục vụ tổ chức đầu tư phát triển các lĩnh vực du lịch, bảo tồn tài nguyên sinh vật biển, bảo tồn văn hóa biển.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và công nghệ cho việc phát triển các không gian nuôi trồng không ô nhiễm, quản lý nuôi trồng thủy hải sản xa bờ.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và công nghệ cho việc phát triển hạ tầng cho công nghiệp điện gió, điện sóng ven bờ và ngoài thềm lục địa.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và công nghệ cho việc khai thác vật liệu và chế tạo vật liệu phục vụ các công trình hạ tầng trên biển và ven bờ.

- Nghiên cứu phát triển giống cây, con chịu nước mặn có giá trị kinh tế và phát triển công nghiệp chế biến đi kèm cho các vùng đất ngập nước ven biển.

- Nghiên cứu chế tạo thiết bị lọc nước mặn thành nước ngọt trang bị cho hộ gia đình, các tàu cá, và các đảo nhỏ,...

- Nghiên cứu phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng (pin) di động hay các hệ sinh thái bảo tồn năng lượng và tích trữ năng lượng, nguồn cấp năng lượng di động.

- Nghiên cứu phát triển trồng các cây có sợi như Kenaf ở vùng nước lợ và phục vụ công nghiệp chế tạo giấy, vải,...

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ trong việc dự báo, cảnh báo các tai biến môi trường biển và ven biển đảm bảo phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ để thu hút đầu tư khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại các tỉnh ven biển (tài nguyên năng lượng gió, thủy triều, địa nhiệt, các khoáng sản, tài nguyên du lịch, kỳ quan thiên nhiên, tài nguyên vị thế, tài nguyên thủy hải sản,...), tài nguyên văn hoá biển, ven biển.

- Nghiên cứu giải pháp công nghệ xây dựng công trình biển.

- Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ hệ thống quan trắc tổng hợp tự động đường bờ biển.

2. Nội dung 2: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các công nghệ trong các đề án, dự án của các địa phương và doanh nghiệp phục vụ phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và khả năng thương mại hoá lớn

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ để phát triển các sản phẩm hiện có thành các sản phẩm có giá trị thương mại cao cho các tỉnh ven biển.
- Nghiên cứu, chuyển giao chế phẩm vi sinh trong nuôi trồng thủy hải sản.
- Nghiên cứu, chuyển giao chế phẩm vi sinh trong phát triển nông nghiệp các tỉnh ven biển.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vi sinh xử lý nước thải chăn nuôi.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học từ phụ phẩm thủy hải sản, phụ phẩm nông nghiệp.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ chế biến phân bón vi sinh vật trong nông nghiệp xanh.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ bảo quản thủy hải sản, nông sản phục vụ thương mại hóa và xuất khẩu.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ hệ thống tưới nước thông minh sử dụng năng lượng mặt trời ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nền móng công trình ven biển ứng phó thiên tai.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,...).
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ điều hòa làm mát công xưởng sản xuất tại doanh nghiệp.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc trừ sâu sinh học.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ lọc nước sinh hoạt thành nước uống trực tiếp.
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sơn lạnh làm mát bề mặt ngoài trời.

3. Nội dung 3: Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư các dự án có quy mô lớn của các địa phương ven biển

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho dự án đô thị lấn biển.

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho dự án đô thị thông minh.

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho dự án khu kinh tế mở.

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho các dự án năng lượng tái tạo.

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho cảng biển, kho bãi ven biển.

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho các dự án phát triển nguyên liệu gắn với trồng rừng phòng hộ,...

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho các dự án phát triển rừng phòng hộ,...

- Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và luận chứng kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ xúc tiến đầu tư cho các dự án phát triển nước sạch các đảo và vùng xâm ngập mặn,...

- Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới có kết nối giữa các tập đoàn, nhà đầu tư trong và ngoài nước cho các tỉnh ven biển.

- Nghiên cứu các mô hình công nghiệp, nông nghiệp thông minh, sản xuất thông minh, tuần hoàn thích ứng với xu thế chuyển đổi của nền kinh tế số cho các tỉnh ven biển.

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật sử dụng bền vững và hiệu quả các công trình ven biển phục vụ phòng tránh thiên tai và bảo vệ môi trường.

4. Nội dung 4: Nghiên cứu giải pháp khoa học nhằm phát triển đội ngũ và đào tạo nhân lực chất lượng cao, ứng dụng khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu các ngành kinh tế biển và thông tin tư vấn tới doanh nghiệp và nhà đầu tư

- Nghiên cứu, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế biển quan trọng như: du lịch, khai thác, nuôi trồng thủy hải sản, năng lượng, vận tải, công nghiệp tàu biển,...

- Nghiên cứu, phát triển chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, quản lý, doanh nhân đáp ứng yêu cầu xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư cho các dự án công trình biển.

- Nghiên cứu các giải pháp nâng cao trình độ và năng lực hấp thụ công nghệ cho các tỉnh ven biển.

- Nghiên cứu, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, tổ chức KH&CN đủ năng lực để xây dựng và triển khai các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm cấp quốc gia.

- Nghiên cứu, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, quản lý, doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững các ngành kinh tế biển quan trọng, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, sự cố môi trường biển, ven biển.

- Nghiên cứu các giải pháp tư vấn, tập huấn và truyền thông ứng dụng công nghệ mới cho các doanh nghiệp và người dân.

III. DỰ KIẾN SẢN PHẨM

3.1. Sản phẩm dạng I và II

1) Những giải pháp KH&CN và sản phẩm có giá trị cao và khả năng thương mại hoá lớn, theo đặc thù của các tỉnh ven biển để thu hút đầu tư.

- 5-10 dòng sản phẩm KH&CN có khả năng thu hút được đầu tư từ doanh nghiệp và địa phương để hình thành các ngành, mô hình kinh tế gắn với lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, rừng, khoáng sản, kỳ quan thiên nhiên, vị thế,...), văn hoá, môi trường biển, ven biển của các địa phương và toàn vùng ven biển.

- 5-10 giải pháp KH&CN nâng cao chất lượng sản phẩm của các ngành sản xuất, chế biến, chế tạo, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và văn hoá biển, ven biển các tỉnh ven biển.

- 5-10 giải pháp chuyển đổi số trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến, chế tạo, khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên và văn hoá, quản lý môi trường và ứng phó thiên tai của các tỉnh ven biển.

2) Hệ thống dữ liệu tích hợp và luận cứ kinh tế kỹ thuật liên ngành cho các địa phương ven biển đáp ứng yêu cầu lựa chọn, ra quyết định đầu tư quy mô lớn vào phát triển bền vững kinh tế - xã hội tại các tỉnh ven biển như năng lượng tái tạo, nuôi trồng thủy hải sản, trồng rừng ven biển, đô thị lấn biển, cảng và kho chứa ven biển, phòng tránh thiên tai ven biển cho các khu công nghiệp quan trọng ven biển và trên biển, các khu bảo tồn văn hóa biển,...

3) Các giải pháp khoa học nhằm phát triển đội ngũ và các chương trình đào tạo và chuyên gia nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững các ngành kinh tế biển quan trọng (du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác khí đốt, các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới), bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, sự cố môi trường biển.

4) Các dòng sản phẩm tiềm năng, mang tính đặc thù của địa phương có thể hoàn thiện, phát triển làm căn cứ đề xuất và triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

3.2. Sản phẩm dạng III

- Các tài liệu tập huấn;
- Các kết quả đào tạo kỹ thuật trong chuyên gia công nghệ gắn với các ngành kinh tế;
- Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ.
- Công bố quốc tế.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện: từ năm 2023 đến hết năm 2030.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

5.1. Nguồn kinh phí

- Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm.
- Nguồn kinh phí hợp tác với doanh nghiệp và địa phương.
- Kết hợp với các chương trình, nhiệm vụ quốc gia.

5.2. Kinh phí dự kiến

- Tổng kinh phí: 100 tỷ đồng, trong đó:
 - + Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của ĐHQGHN: 50 tỷ đồng
 - + Nguồn kinh phí hợp tác với doanh nghiệp và địa phương: 30 tỷ đồng
 - + Kết hợp với các chương trình, nhiệm vụ quốc gia: 20 tỷ đồng./.